TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 10/3/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Dũng;

2. Ông Trần Xuân Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 30/01/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Kiều Đức H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960. (Bà M cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông H theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, *có mặt.*

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, *vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:**

Ngày 09/02/2021 ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M có cho bà Phạm Thị Th vay số tiền tổng cộng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2.800.000 đồng/03 tháng(quý), thời hạn vay là 12 tháng thì phải hoàn trả lại toàn bộ tiền gốc và lãi đã vay, mục đích vay tiền bà T xác định dùng để buôn bán, kinh doanh. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền ghi tay mà bà M dùng làm căn cứ khởi kiện bà T và đã cung cấp cho Tòa án, nội dung giấy vay tiền do bà

T ghi tay và ký ghi họ tên vào phần người vay sau khi đã nhận đủ tiền. Khi vay chỉ có người vay là bà T, người cho vay là ông K và bà M chứ không có ai làm chứng và cũng không cầm cố, thế chấp bất cứ tài sản gì. Đến hạn trả nợ và cho đến nay bà T chỉ mới thanh toán cho ông K và bà M số tiền lãi 09 tháng (ba quý) với số tiền 8.400.000 đồng, số tiền gốc và tiền lãi từ tháng 11/2021 còn lại cho đến nay vẫn chưa thanh toán khoản tiền nào, mặt dù bà đã liên hệ và yêu cầu trả nhưng bà T vẫn không trả và cố tình lẫn tránh.

Do vi phạm nghĩa vụ về thời hạn cam kết trả nợ nên ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả lại toàn bộ tổng cộng số tiền gốc đã vay là 100.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng/số tiền gốc kể từ ngày 01/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa bà M yêu cầu giải quyết đối với tiền lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác và không có tài liệu, chứng cứ gì để cung cấp thêm.

*** Đối với bị đơn bà Phạm Thị T:**

Tòa án đã thông báo, triệu tập bà Phạm Thị T tham gia tố tụng để giải quyết việc tranh chấp nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do. Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đều vắng mặt. Tại các phiên tòa cũng không có mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Xác minh tại chính quyền địa phương xác định được bà Phạm Thị T, sinh năm 1968 trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng từ đầu năm 2021 bà T vắng mặt tại địa phương cho đến nay. Khi đi không khai báo tạm vắng nên Công an thị trấn L không biết bà T đi đâu và làm gì vì bà T cũng chưa làm căn cước công dân nên trên hệ thống dữ liệu quốc gia về dân cư không thể hiện thông tin của bà T và bà T đã vắng mặt tại địa phương trên 12 tháng mà không đăng ký tạm trú tại chỗ khác nên Công an thị trấn L đã xóa đăng ký thường trú.

* Tòa án đã tiến hành Quyết định trưng cầu giám định đối với tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện bị đơn theo nội dung giám định tại quyết định số 02/2022/QĐ-TCGĐ ngày 07/12/2022 và thực hiện việc đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong thời hạn 01 tháng có mặt tại Tòa án để giải quyết việc tranh chấp đối với yêu cầu của nguyên đơn. Kết luận giám định số 1241/KL-KTHS ngày 15/12/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định nội dung trong tài liệu cần giám định so với tài liệu mẫu dùng để so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Đối với việc tìm kiếm đã quá thời hạn 01 tháng nhưng bà T vẫn không có mặt và cũng không có tin tức phản hồi gì.

* HĐXX đã công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả lại tổng cộng số tiền gốc đã vay 100.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk phát biểu:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Theo giấy vay tiền ngày 09/02/2021 và Kết luận giám định số 1241/KL-KTHS ngày 15/12/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định bị đơn bà Phạm Thị T có vay của nguyên đơn là ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M số tiền gốc 100.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả là một năm. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo "giấy vay tiền" ghi ngày 09/02/2021 do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc tổng cộng là 100.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là một năm nhưng cho đến nay bị đơn chưa trả khoản tiền nào cho nguyên đơn. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thoả thuận như đã cam kết làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện và bị đơn có địa chỉ tại tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có mặt thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Tại phiên tòa lần hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự; không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Theo giấy ghi nội dung "giấy vay tiền" mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn (bút lục số 20) và lời khai của nguyên đơn xác định vào 09/02/2021 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 100.000.000 đồng, không có ghi lãi suất, thời hạn vay một năm. Đến thời hạn trả nợ nguyên đơn cho rằng bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền gốc đã vay cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng mà không có ý kiến phản hồi gì nên HĐXX không có căn cứ để xem xét. Nguyên đơn xác định chữ viết và chữ ký tại giấy vay tiền là do bị đơn viết và ký người vay tiền. Tại kết luận giám định số 1241/KL-KTHS ngày 15/12/2022 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận có nội dung:*"Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị T trên các tài liệu cần giám định ký hiêu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị T trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3 là do cùng một người ký và viết ra"*. Do đó HĐXX xác định vào ngày 09/02/2021 bị đơn bà Phạm Thị T có vay của nguyên đơn là ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M số tiền gốc 100.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả là một năm. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M tổng số tiền gốc đã vay 100.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền lãi: Theo nội dung giấy vay tiền không có thỏa thuận tiền lãi nên HĐXX xác định trường hợp vay không có lãi và áp dụng khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để giải quyết về tiền lãi chậm trả là kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 10/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 10/3/2023 như sau: Tiền gốc 100.000.000 đồng x 393 ngày x 10%/365 = 10.767.000 đồng.

[5] Vậy bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M tổng số tiền gốc 100.000.000đồng và tiền lãi chậm trả 10.767.000 đồng. Tổng cộng là 110.767.000 đồng.

[6] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[6.1] Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 110.767.000 đồng x 5% = 5.538.000 đồng,

[6.2] Nguyên đơn là người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án nên không xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng khác:

[7.1] Đối với chi phí giám định: Do kết luận giám định là có căn cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 2.835.000 đồng theo quy định tại Điều 160 và 161 Bộ luật tố tụng Dân sự. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi, do đó áp dụng khoản 2 Điều 162 Bộ luật tố tụng Dân sự buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định này.

[7.2] Đối với chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông tìm người vắng mặt tại nơi cư trú: Nguyên đơn là người yêu cầu đăng tin tìm kiếm và thông báo nên phải chịu số tiền 2.263.000 đồng và 17.000 đồng chi phí chuyển khoản theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự, số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi theo hóa đơn của báo N và Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 160, 161, 162, 180, 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M.

- Buộc bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M tổng số tiền **110.767.000 đồng**, *(một trăm mười triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng),* trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*, tiền lãi chậm trả 10.767.000 đồng *(mười triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)*.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về tiền án phí: Buộc bà Phạm Thị T phải chịu 5.538.000 đồng *(năm triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án nên không xem xét.

3. Về chi phí tố tụng khác:

- Đối với chi phí giám định: Buộc bà Phạm Thị Thái phải hoàn trả lại cho ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M 2.835.000 đồng *(Hai triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* tiền chi phí giám định.

- Đối với chi phí đăng, phát thông báo trên các phương tiện thông tin truyền thông tìm người vắng mặt tại nơi cư trú: Ông Kiều Đức H và bà Nguyễn Thị M phải chịu số tiền 2.263.000 đồng và 17.000 đồng chi phí chuyển khoản; số tiền này bà M và ông H đã nộp tạm ứng và đã chi theo hóa đơn của báo N và Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Cường